

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 233/2026/DS-ST
Ngày: 06/7/2026
V/v tranh chấp hợp đồng góp hui

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Nhanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hồng Thảo;

2. Ông Lê Văn Lạc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trầm Thị Quyên Nhi – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

Trong ngày 06 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 239/2026/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2026 về việc tranh chấp “Hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 234/2026/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 186/2026/QĐST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1953;

Địa chỉ: Ấp Mỹ Bình, xã Mỹ Hạnh Đông, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Nay là ấp Mỹ Bình, xã Tân Phú, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T là: Ông Bùi Quang N, sinh năm 1956, (có mặt);

Địa chỉ: Số D, tổ B, ấp D, xã C, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974, (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Mỹ Đa, xã Mỹ Hạnh Trung, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

Nay là khu phố Mỹ Đa, phường Mỹ Phước Tây, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ghi ngày 09/02/2026, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị T có người đại diện theo ủy quyền ông Bùi Quang N trình bày:**

Bà Nguyễn Thị Thu H là chủ hui của nhiều dây hui. Bà Nguyễn Thị T có tham gia góp hui do bà Nguyễn Thị Thu H làm đầu thảo, cụ thể như sau:

Dây hội mùa là hội vàng, mỗi mùa góp 01 chỉ vàng 24Kara, khui vào vụ 01 năm 2019 (tháng 2/2019), trong dây hội này bà T tham gia góp 01 phần hội. Dây hội này gồm 14 phần, bà T đã góp được 07 kỳ hội sống, đến kỳ hội thứ 08 thì bà H không tổ chức khui hội nữa mà ngưng hội và hứa trả lại vàng cho hội viên. Tổng số vàng mà bà T đã góp trong dây hội vàng này là 07 chỉ vàng 24 Kara. Sau đó bà H đã trả cho bà T được 0,5 chỉ vàng 24 Kara. Hiện bà H còn nợ bà T 6,5 chỉ vàng 24 Kara. Mặc dù, bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả số vàng này nhưng bà H cứ hẹn nhiều lần nhằm kéo dài thời gian cho đến nay vẫn không trả.

Nay bà T khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H trả cho bà 6,5 chỉ vàng 24 Kra, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của bà T tự nguyện khấu trừ 0,8 chỉ vàng 24 Kara nên bà thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu H phải trả cho bà số vàng nợ hội là 5,7 chỉ vàng 24 Kara, yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo bản tự khai ngày 25/5/2026, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H trình bày:***

Bà là chủ hội của nhiều dây hội từ nhiều năm nay. Trước đây, các dây hội do bà làm đầu thảo đều thuận lợi, bà gom hội và giao tiền hội cho người hót được hội đúng hạn và đầy đủ. Khi tham gia hội, bà có trách nhiệm gom hội của các hội viên và giao hội cho người hót hội theo từng dây hội và bà được hưởng hoa hồng trên từng dây hội đó. Bà không có trách nhiệm nộp thay tiền cho các thành viên góp hội khi họ không góp hội. Trong các dây hội của bà làm đầu thảo, bà T có tham gia góp hội ở dây hội khui vụ Đông Xuân năm 2019, gồm 14 phần, bà T đã góp được 7 kỳ hội, đến kỳ hội thứ 8 thì hội có sự cố xảy ra do hội viên Nguyễn Thị H1 và Nguyễn Thị Khiêm N1 không còn khả năng đóng hội chết nữa. Sau đó, bà có trả cho bà T được 05 phân vàng 24 Kara và 4.000.000 đồng tương đương 08 phân vàng 24 Kara. Đồng thời, hội viên tên Nguyễn Thị Khiêm N1 đã bỏ đi nên bà chưa khởi kiện được nên phải trừ thêm 01 chỉ vàng 24 Kara.

Do đó, nay bà chỉ đồng ý trả cho bà T 4,7 chỉ vàng 24 Kara nhưng xin thời hạn trả vào cuối tháng 12/2026.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn tự nguyện khấu trừ 0,8 chỉ vàng 24 Kara nên thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà H trả cho bà T 5,7 chỉ vàng 24 Kara. Căn cứ Điều 5 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét thấy việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn bà H trả số vàng nợ hui, bà H có địa chỉ tại khu phố M, phường M, tỉnh Đồng Tháp. Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 471 Bộ luật dân sự xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4 – Đồng Tháp.

[3] Về nội dung vụ án: Giao dịch dân sự về việc tham gia góp hui giữa bà T với bà H có lập thành văn bản, nội dung thỏa thuận không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp quy định pháp luật và được hai bên thừa nhận nên Hội đồng xét xử công nhận.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng: Tại phiên hòa giải ngày 26/5/2026, cả nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất xác định bà T là hui viên có tham gia dây hui trên do bà H làm đầu thảo. Bà T đã góp các phần hui đầy đủ nhưng đến kỳ hui thứ 08 thì bà H tuyên bố ngưng hui nhưng không thực hiện nghĩa vụ trả số vàng nợ hui cho bà T. Như vậy, bà H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng góp hui và vi phạm nghĩa vụ mà các bên đã thỏa thuận. Theo quy định tại khoản 3 Điều 428 của Bộ luật dân sự thì khi đơn phương chấm dứt hợp đồng, bên đã thực hiện nghĩa vụ có quyền yêu cầu bên kia thanh toán phần nghĩa vụ đã thực hiện đúng phần nghĩa vụ đã thực hiện. Do đó, bà T yêu cầu bà H hoàn trả lại 5,7 chỉ vàng 24 Kara là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật dân sự và Điều 18, Điều 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng vì hui viên tên Nguyễn Thị Khiêm N1 đã bỏ đi không góp hui cho bà T nên bà T phải trừ thêm 01 chỉ vàng 24 Kara của chị N1. Do đó bà chỉ đồng ý trả cho bà T 4,7 chỉ vàng 24 Kara nhưng xin trả dần vào tháng 12/2026. Điều này không được nguyên đơn đồng ý và cũng không có căn cứ để chấp nhận bởi: Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 18 và khoản 1 Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, hui, biêu, phường thì trong trường hợp có hui viên không thực hiện việc góp hui thì chủ hui có nghĩa vụ nộp thay sau đó được quyền yêu cầu hui viên chưa góp hui phải trả lại cho chủ hui phần đã góp thay đó. Hơn nữa, giữa chị N1, bà T với bà H không có thỏa thuận bà N1 sẽ có trách nhiệm trả 01 chỉ vàng 24 Kara cho bà T.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T, buộc bà H phải có nghĩa vụ trả lại cho bà T số vàng nợ hui là 5,7 chỉ vàng 24 Kara.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Giá vàng tại thời điểm tính án phí là: 13.500.000 đồng/chỉ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2019, 2020, 2022, 2023, 2024, 2025);
- Khoản 3 Điều 428, Điều 471 của Bộ luật dân sự;
- Điều 18, Điều 23 và Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ quy định về họ, họ, biểu, phường;
- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T.

1. Buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả cho bà Nguyễn Thị T số vàng nợ hụi là 5,7 chỉ vàng 24 Kara.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 3.847.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.
3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 8, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND KV 4 – Đồng Tháp;
- Phòng THADS KV 4 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thị Mỹ Nhanh

